

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu: **Mua sắm hàng hóa nguyên vật liệu cho đề tài mã số 105.08-2024.13**, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.
2. Tiếp nhận báo giá theo hình thức:
 - Nhận trực tiếp: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
 - Nhận qua Email: ltmchau@hcmus.edu.vn/SĐT: 0938854345 - Lê Trần Minh Châu.
3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo **đến hết ngày 15 tháng 8 năm 2025**.
4. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
5. Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 90 ngày, **kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2025**.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
 - Hàng hóa mới 100%; sản xuất từ năm 2024 trở về sau.
2. Thời gian giao hàng dự kiến: ngày (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).
3. Điều khoản thương mại:
 - Tạm ứng: Không áp dụng.
 - Phương thức thanh toán: thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
 - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

4. Điều khoản giao hàng:

- Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Khoa học tự nhiên – số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
- Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
- Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Trân trọng thông báo.

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

(đã ký)

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BẢO GIÁ

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	SL
1	Màng lọc sợi thạch anh	1851-865	Whatman	Trung Quốc	Whatman (UK)	Kích thước 203.2mm x 254mm. Quy cách: Hộp/25 tờ	Hộp	8
2	Màng lọc sợi thạch anh	36701055	Advantec	Nhật	Advantec (Nhật)	Đường kính 55mm. Quy cách: Hộp/100 tờ	Hộp	8
3	Nitric Acid - HNO ₃	N/2185/PB15	FISHER	Pháp	FISHER (USA)	Tinh khiết phân tích, hàm lượng 65%. Quy cách: Chai/1 lít	Chai	16
4	Hydrochloric Acid - HCl	H/1200/PC15	FISHER	Anh	FISHER (USA)	Tinh khiết phân tích, hàm lượng 37%. Quy cách: Chai/1 lít	Chai	22
5	Soda lime	044697.36	FISHER	Mỹ	FISHER (USA)	Dạng hạt Comment: 19.0% min CO ₂ absorption capacity Loss on Drying: 7% Quy cách: Chai/500g	Chai	6
6	Ống nhựa	078.02.001	Isolab	Đức	Isolab (Germany)	Thể tích 15mL Quy cách: Gói/50 ống	Gói	16
7	Ống nhựa	078.02.003	Isolab	Đức	Isolab (Germany)	Thể tích 50mL Quy cách: Gói/50 ống	Gói	16
8	Đầu tip cho	1202/E	Ý	Ý	Aptaca	Thể tích lấy được 5-200uL	Gói	16

	micropipette				(Italy)	Quy cách: Gói/1000 cái		
9	Đầu tip cho micropipette	1001/U	Ý	Ý	Aptaca (Italy)	Thể tích lấy được 100-1000uL Quy cách: Gói/1000 cái	Gói	16
10	Màng lọc	MFMCCE047045 GWS	Membrane Solutions	Trung Quốc	Membrane Solutions	Cỡ lỗ lọc: 0.45µm. Đường kính lọc: 47mm Quy cách: Hộp/100 tờ	Hộp	12
11	Tin(II) chloride dihydrate $\text{SnCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$	T/1654/48	FISHER	Mỹ	FISHER (USA)	Tinh thể mịn màu trắng (<2 mm), hóa chất phân tích, hàm lượng $\geq 97\%$ Quy cách: Chai/100g	Chai	22
12	Potassium bromate - KBrO_3	446941000	FISHER	Anh	FISHER (USA)	Dạng bột màu trắng pH: 5.0 to 9.0 (5% soln. at 25°C) Heavy metals (as Pb): ≤ 5 ppm Quy cách: Chai/100g	Chai	6
13	Potassium bromide - KBr	424075000	FISHER	Ấn Độ	FISHER (USA)	Dạng bột màu trắng, 99+%, ACS reagent pH: 5.0 to 8.8 (5% soln. at 25°C) Heavy metals (ICP-OES): ≤ 5 ppm Quy cách: Chai/500g	Chai	8

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thành tiền (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1.													
2.													

Điều khoản thương mại:

- Thời hạn hiệu lực của báo giá: 90 ngày
- Thời gian giao hàng: kể từ ngày ký hợp đồng
- Điều khoản thanh toán : Thanh toán 100% sau khi nhận hàng
- Điều khoản bảo hành: theo chính sách của Nhà sản xuất

